

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2022- 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm CNTT&CDS (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (THKS) **2**



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số: 1303 /QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực quản lý đầu tư công		
1	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công.
2	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công.
3	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công.
4	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).
5	Rà soát báo cáo phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
6	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
7	Quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
8	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
9	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
10	Quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
11	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
12	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
13	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
14	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
15	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
16	Thẩm định quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (Nghị định số 29/2021/NĐ-CP).

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
17	Thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.
18	Quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.
19	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.
20	Giám sát đầu tư của cộng đồng	Quản lý đầu tư công	Luật Đầu tư công; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.
21	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý đầu tư công	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (<i>Nghị định số 27/2022/NĐ-CP</i>); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (<i>Nghị định số 38/2023/NĐ-CP</i>).
22	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý đầu tư công	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.
II Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)			
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp Bộ)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 (<i>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</i>); Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (<i>Nghị định số 35/2021/NĐ-CP</i>); Nghị định

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
			số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất (Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT); Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT).
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp Bộ)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp Bộ)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp Bộ)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
5	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền	Đầu tư theo phương	Luật Đầu tư theo phương thức

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	thức đối tác công tư (PPP)	đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
6	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
7	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
8	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT.
III	Lĩnh vực quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam		
1	Tham gia chương trình, dự án khu vực	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 114/2021/NĐ-CP); Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
			Nghị định số 114/2021/NĐ-CP (Nghị định số 20/2023/NĐ-CP).
2	Quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
3	Quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
4	Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
5	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
6	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Chính phủ	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
7	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
8	Quyết định chủ trương đầu tư	Quản lý, sử dụng vốn	Luật Đầu tư công; Nghị định

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A	hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
9	Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
10	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
11	Điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
12	Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
13	Điều chỉnh quyết định chủ trương thực hiện và quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
14	Ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Quản lý nợ công; Luật Điều ước quốc tế; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
15	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
16	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
17	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
18	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
19	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP.
20	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/ điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	tướng Chính phủ		
21	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/ điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Luật Đầu tư công; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
22	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt /điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
23	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/ điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
24	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/ điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài	Luật Đầu tư công; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	dành cho Việt Nam	
25	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/ điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế		
1	Chuyển đổi khu công nghiệp sang phát triển khu đô thị - dịch vụ	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (<i>Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>).
2	Thành lập khu kinh tế	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.
3	Mở rộng khu kinh tế	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.
4	Điều chỉnh ranh giới khu kinh tế	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.
V	Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		
1	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (<i>Luật Doanh nghiệp</i>); Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
			nghiệp số 69/2014/QH13 (<i>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</i>); Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (<i>Nghị định số 23/2022/NĐ-CP</i>).
2	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
3	Chia, tách doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
4	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
5	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
6	Chia, tách doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	định thành lập hoặc được giao quản lý	100% vốn điều lệ	doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
7	Giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
8	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
9	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
10	Chia, tách doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP.
11	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).
12	Giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	quản lý)		định số 23/2022/NĐ-CP.
13	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.
VI Lĩnh vực quy hoạch			
1	Lập, thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP).
2	Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
3	Lập quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
4	Lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
5	Lập quy hoạch ngành quốc gia	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
6	Lập quy hoạch vùng	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
7	Lập quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
8	Thẩm định quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
9	Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
10	Cung cấp thông tin quy hoạch	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
11	Điều chỉnh quy hoạch	Quy hoạch	Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.
VII	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa		
1	Lập, tổng hợp, giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; báo cáo kết quả hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Danh mục TTHC nội bộ trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	Kiểm tra công tác tổ chức cán bộ	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 1680/QĐ-BKHĐT ngày 21/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về quy trình kiểm tra công tác tổ chức cán bộ.
2	Đào tạo bồi dưỡng	Đào tạo, bồi dưỡng	Quyết định số 643/QĐ-BKHĐT ngày 07/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3	Nâng lương trước thời hạn	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 80/QĐ-BKHĐT ngày 16/01/2014 Quy chế nâng

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
			bậc lương trước thời hạn đối với CBCCVC và NLĐ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
4	Xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng	Thi đua khen thưởng	Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư.
5	Trình tự, thủ tục hồ sơ xét công nhận sáng kiến	Sáng kiến	Quyết định số 1731/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2021 kèm theo Quy chế xét, công nhận sáng kiến và tổ chức, hoạt động của Hội đồng sáng kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
6	Thủ tục cử công chức, viên chức đi làm nhiệm vụ xúc tiến đầu tư tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 1221/QĐ-BKHĐT ngày 14/8/2018 quy định về hoạt động của Bộ phận xúc tiến đầu tư và quản lý công chức, viên chức của Bộ đi công tác nhiệm kỳ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
7	Thủ tục nghỉ phép, nghỉ không hưởng lương ở trong nước và đi nước ngoài để giải quyết việc riêng	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 1039/QĐ-BKHĐT ngày 04/8/2014 quy định về thủ tục nghỉ phép, nghỉ không hưởng lương ở trong nước và đi nước ngoài để giải quyết việc riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
8	Thủ tục đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 831/QĐ-BKHĐT ngày 12/7/2012 quy định về thủ tục đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
9	Thủ tục bổ nhiệm	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 569/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Quyết định số 569/QĐ-BKHĐT).
10	Thủ tục bổ nhiệm lại	Tổ chức cán bộ	Quyết định số 569/QĐ-BKHĐT.
11	Thủ tục lấy phiếu tín nhiệm	Tổ chức cán bộ	Kế hoạch số 306-KH/BCSD ngày 30/6/2023 của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ GỬI QUYẾT ĐỊNH

1. Vụ Tổng hợp
2. Vụ Tài chính tiền tệ
3. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
4. Vụ Kinh tế đối ngoại
5. Vụ Quản lý các khu kinh tế
6. Vụ Quản lý quy hoạch
7. Vụ Tổ chức cán bộ
8. Cục Quản lý đấu thầu
9. Cục Phát triển doanh nghiệp
10. Vụ Pháp chế